

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2020.
“Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Anh

2. Ông Danh Lươl

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Huỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1963

Cư trú tại: Ấp 1, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Bà Đỗ Hồng D, sinh năm: 1963

Cư trú tại: Ấp 1, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Văn D, sinh năm: 1955

Cư trú tại: Ấp 1, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. Ông Mai Văn Kh, sinh năm: 1958

Cư trú tại: Ấp 1, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3. Bà Phạm Thị Mỹ Ch, sinh năm: 1966

Cư trú tại: Ấp 1, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

4. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Số 31 đường 3/2 phường Th, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồng Minh H – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Minh Nh – Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh.

5. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Hậu Giang – Phòng giao dịch huyện L.

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Quốc V – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Đỗ Hồng D kết hôn với nhau vào năm 1983 và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân rất hạnh phúc nhưng từ năm 2017 thì cuộc sống hôn nhân của ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, có khi đánh nhau, bà D đuổi ông ra khỏi nhà, bà D tự ý bỏ nhà đi, không quan tâm gì đến gia đình. Nhưng nguyên

nhân lớn là về tiền bạc chi tiêu trong gia đình. Ông và bà D ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông và bà D có 03 con chung là Nguyễn Hoàng G (nam), sinh năm: 1983; Nguyễn Hoàng S (nam), sinh năm: 1989 (đã chết năm 2018); Nguyễn Anh Q (nam), sinh năm: 1996. Các con đã trưởng thành nên ông T yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

- Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện L: 100.000.000 đồng.

- Nợ ông Đỗ Văn D: 9.000.000 đồng.

- Nợ Hội phụ nữ xã V: 30.000.000 đồng;

- Nợ tiền cổ đất của ông Mai Văn Kh: 80.000.000 đồng;

Về phần nợ chung này ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Đỗ Hồng D trình bày:

Bà D thống nhất với lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân là do ông T có người phụ nữ khác bên ngoài, ông T không còn chung thủy với bà. Việc bà đánh đập và đuổi ông T ra khỏi nhà là có nhưng nguyên nhân cũng là vì ông T có người phụ nữ khác, bà không chấp nhận được việc đó. Bà và ông T nhiều lần hàn gắn lại với nhau cùng xây dựng gia đình, nhưng ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên cuộc sống hôn nhân không còn thấy hạnh phúc. Nhưng ông T yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý ly thân.

Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Mai Văn Kh và bà Phạm Thị Mỹ Ch cùng trình bày: Ngày 25/02/2020 ông bà có nhận cổ 03 công đất tầm 3m của ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Hồng D với giá là 80.000.000đ, thời hạn chuộc lại là 03 năm. Hiện hợp đồng chưa đến hạn nên ông bà không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì ông bà khởi kiện thành vụ án khác.

Ông Đỗ Văn D trình bày: Trước đây ông có cho ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Hồng D mượn 10.000.000đ, sau ông T đã trả được 1.000.000đ, còn nợ lại 9.000.000đ cho đến nay. Nay ông bà ly hôn thì ông không có ý kiến, đối với số tiền còn nợ thì ông không yêu cầu giải quyết, khi nào ông T, bà D có tiền thì trả. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Ông Trương Minh Nh là người đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện L, tỉnh Hậu Giang trình bày: Hiện ông Nguyễn Văn T còn dư nợ gốc là 100.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng. Nay ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Hồng D có yêu cầu ly hôn, nhận thấy việc yêu cầu ông Tiền thực hiện nghĩa vụ trả nợ là chưa cần thiết nên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Ông Huỳnh Quốc V là người đại diện Ngân hàng chính sách xã hội – Chi nhánh tỉnh Hậu Giang – Phòng giao dịch L trình bày: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 6600000714251098 ngày 21/12/2018, vay chương trình hộ mới thoát nghèo với người đứng tên là ông Nguyễn Anh Q, người thừa kế là bà Đỗ Hồng D, thời hạn vay vốn là 36 tháng, lãi suất theo hợp đồng là 8,25%/năm, trong quá trình vay vốn thực hiện đóng lãi đầy đủ theo quy định, đến nay còn nợ tiền gốc là 30.000.000đ. Việc bà Đỗ Hồng D và ông Nguyễn Văn T ly hôn không ảnh hưởng đến phần vốn vay tại Ngân hàng. Do hồ sơ vay trách nhiệm trả nợ là của ông Nguyễn Anh Q, người thừa kế là bà Đỗ Hồng D nên Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Đỗ Hồng D. Về tài sản

chung, nợ chung, con chung không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông T và bà D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, vợ chồng ông bà đã duy trì quan hệ hôn nhân trong thời gian dài, có con chung với nhau, sau đó xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, dẫn đến ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Tại phiên tòa ông T cương quyết yêu cầu được ly hôn với bà D, ông T khẳng định không còn tình cảm với bà D, không thể hàn gắn và duy trì mối quan hệ hôn nhân này. Bà D cũng cho rằng cuộc sống hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc, bà không còn tình cảm vợ chồng với ông D nhưng bà không đồng ý ly hôn chỉ đồng ý ly thân. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân của ông bà thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông T yêu cầu ly hôn với bà D là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung:* Đã trưởng thành ông T, bà D không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung:* Ông T bà D tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4]. *Về nợ chung:* Trong quá trình giải quyết ông T và bà D khai có nợ Hội phụ nữ xã V. Tòa án tiến hành xác minh thì đại diện Hội phụ nữ xã V cho biết:

Ông bà không nợ tiền của Hội mà nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L đã có văn bản trả lời cho Tòa án biết việc ông T, bà D ly hôn không ảnh hưởng đến khoản vay tại Ngân hàng, theo hồ sơ vay thì trách nhiệm trả vốn vay là của anh Nguyễn Anh Q và người thừa kế là bà Đỗ Hồng D nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết. Những khoản nợ còn lại mà ông T, bà D khai nhưng ông bà không yêu cầu giải quyết. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] .Về án phí hôn nhân và gia đình: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Từ những nhận định trên có cơ sở chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với bà Đỗ Hồng D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T với bà Đỗ Hồng D.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Hồng D không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Hồng D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0001771 ngày 25/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/8/2020). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND xã Vĩnh Thuận Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lữ Thành Đồng